CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

Ngày 30/09/2025	8,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.7%	**12.3%**	**-1.2%**

DT thuần
Q3/25
9,612
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2,213| -18.7%
YoY: ▲ 914| 10.5%

LN thuần
Q3/25
142
tỷ VNĐ
QoQ: ▼111| -43.7%
YoY: ▲ 267| 214%

LN sau thuế
Q3/25
152
tỷ VNĐ
QoQ: ▼121| -44.2%
YoY: ▲ 276| 223%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.6%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q3/25
6.7%
YoY: +/-▲ 2.5%

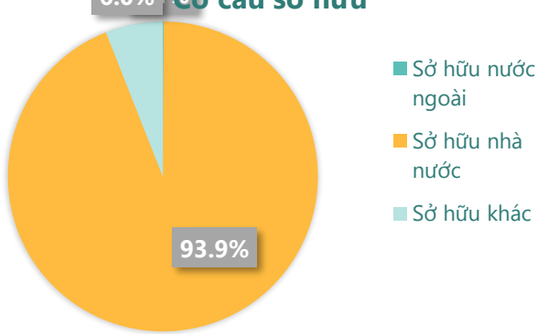
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 9,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,560
Số lượng CPLH (CP)	678,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	770,925
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.67
EPS	973
P/E	8.4

DT thuần
9T 2025
31,466
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5,152| 19.6%

LN thuần
9T 2025
507
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 452| 822%

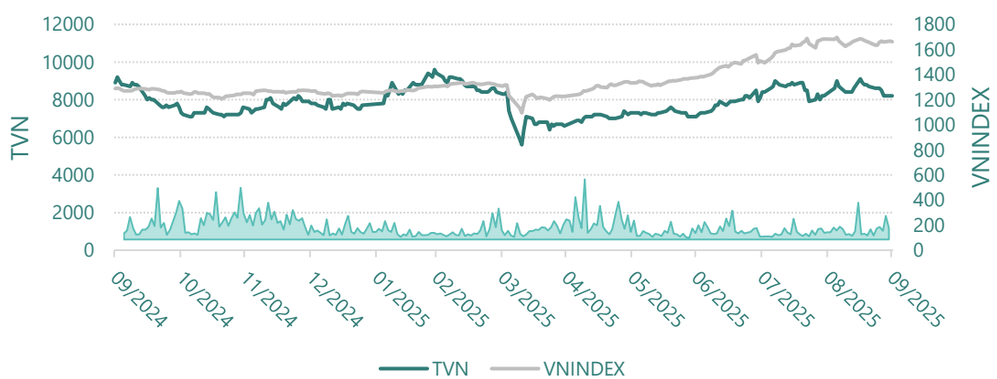
LN sau thuế
9T 2025
526
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 411| 356%

Cơ cấu sở hữu

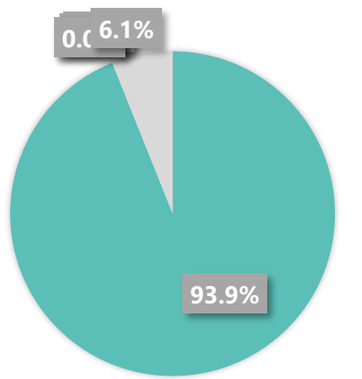


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

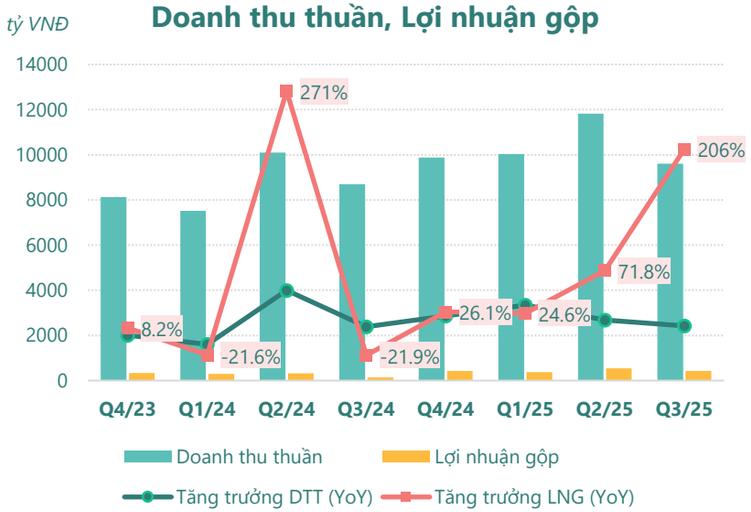


- Bộ Công thương
- Nghiêm Xuân Đa (Tổng giám đốc)
- Đinh Quốc Thái
- Nguyễn Thị Nguyên
- Lê Văn Thanh (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

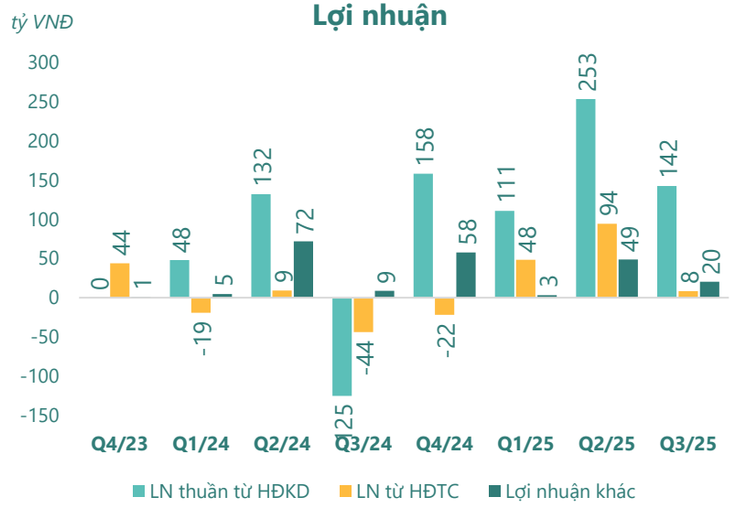
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



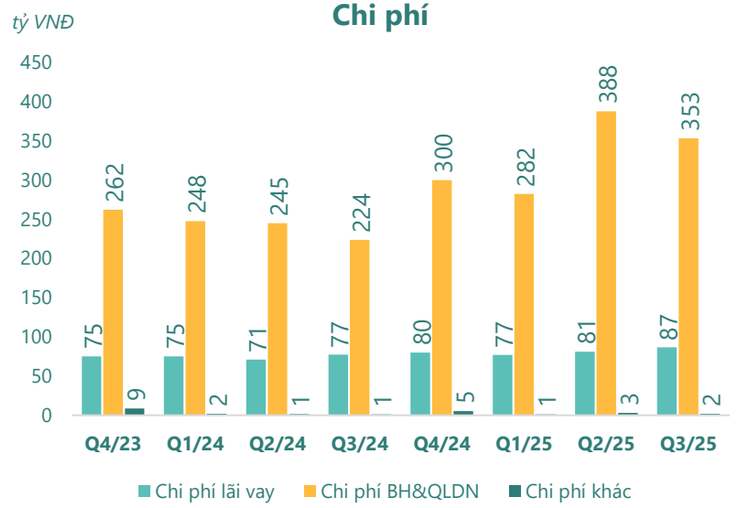
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



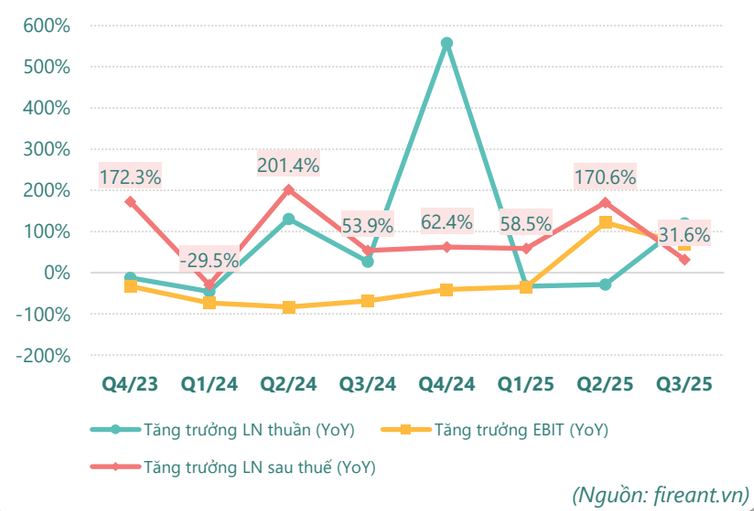
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



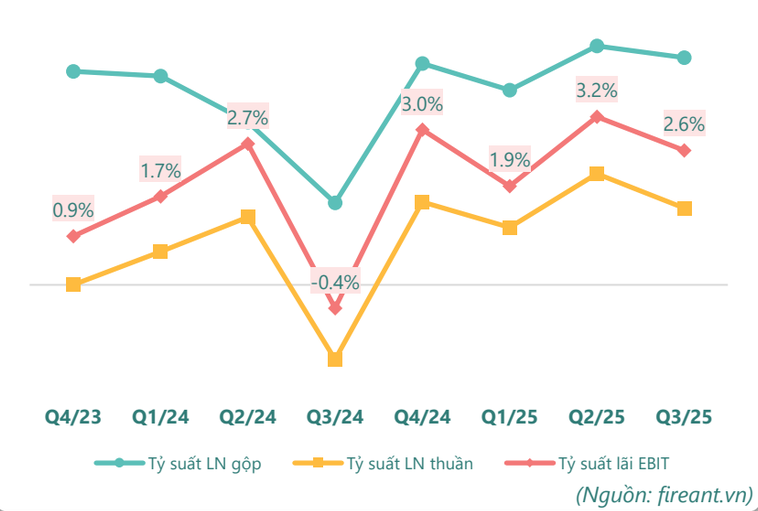
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



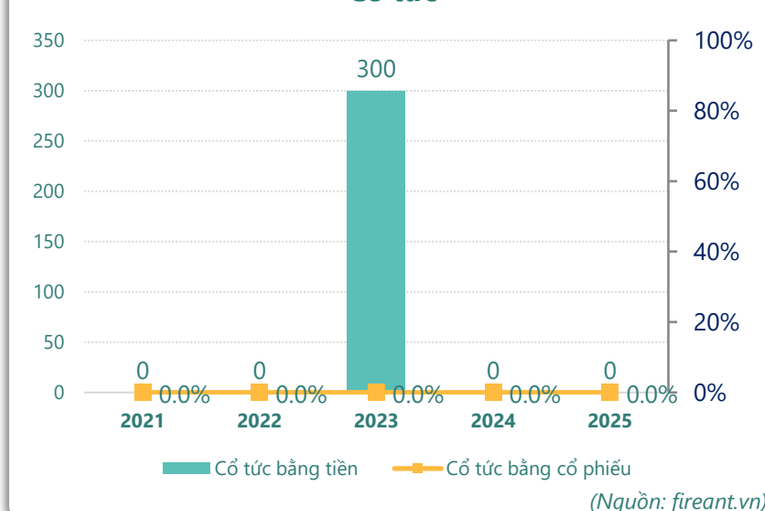
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

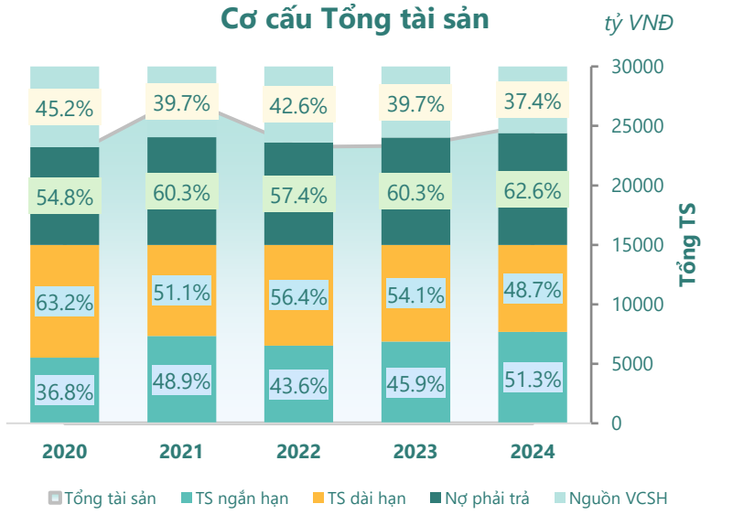
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

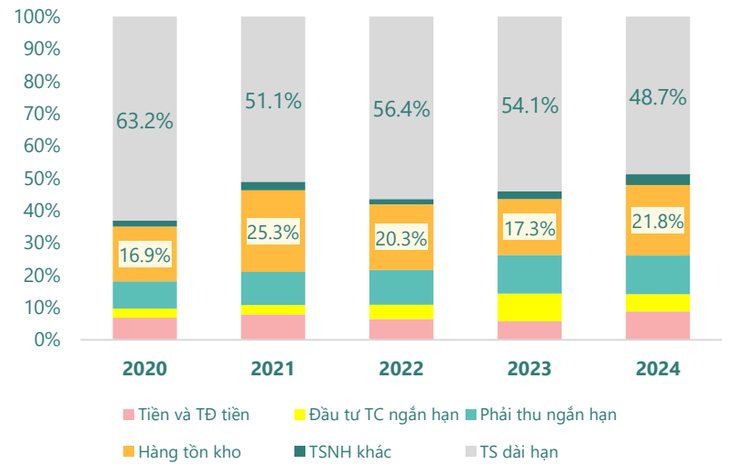
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



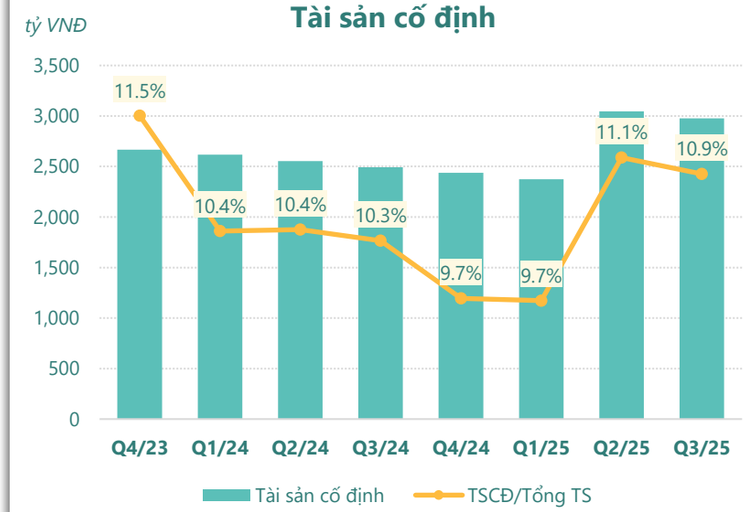
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



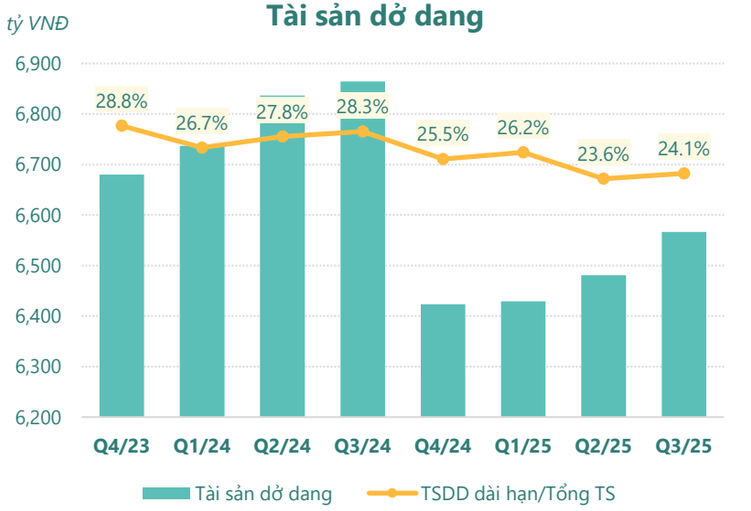
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



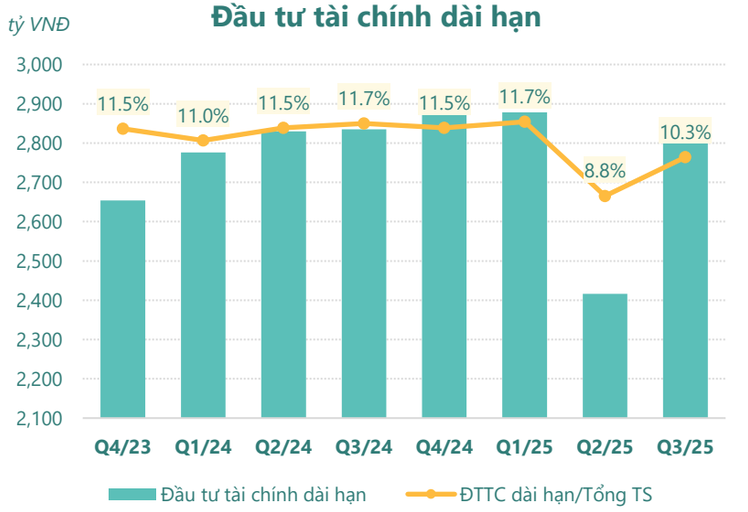
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



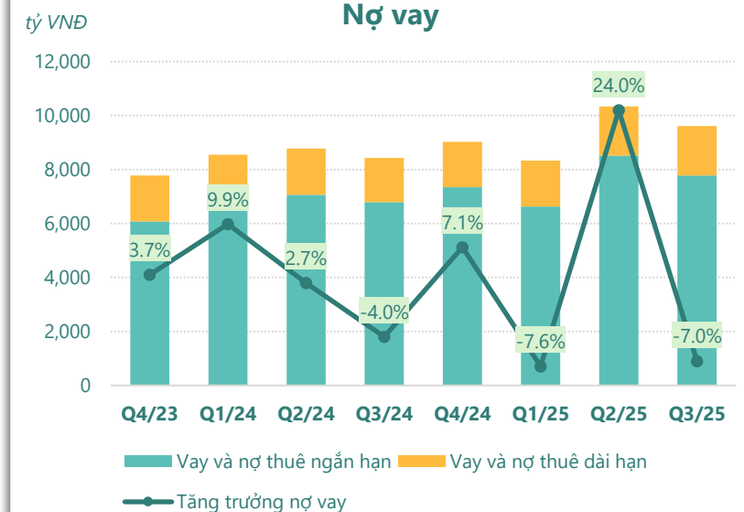
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

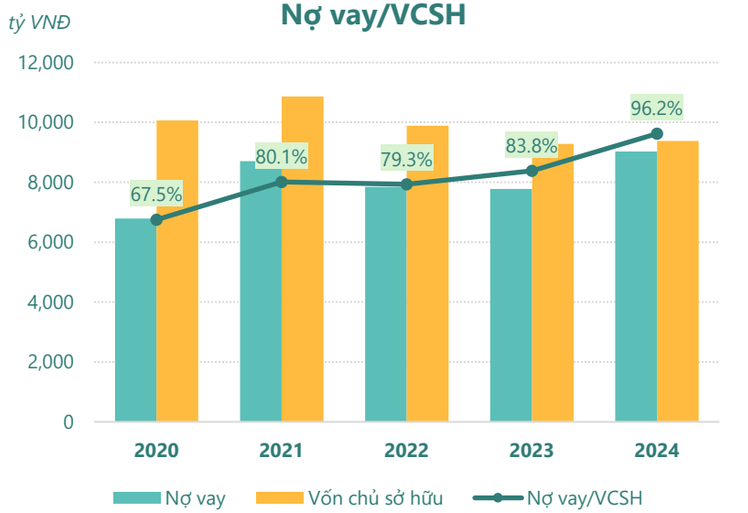
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



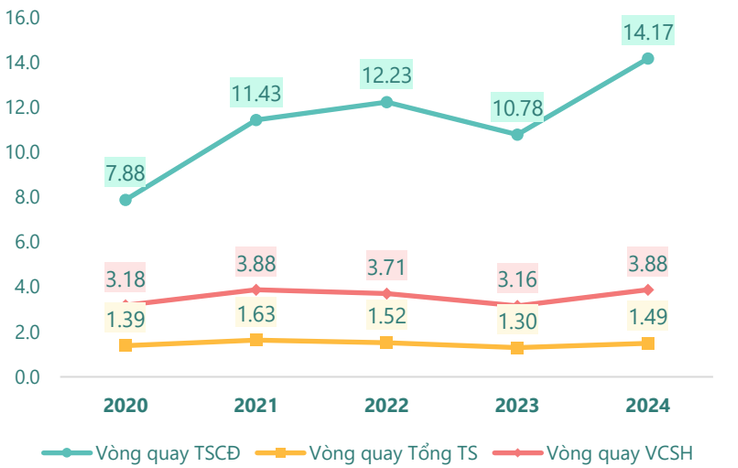
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



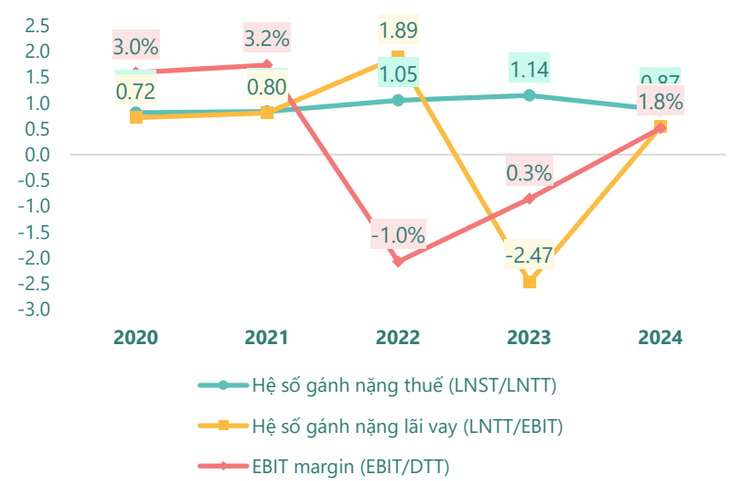
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



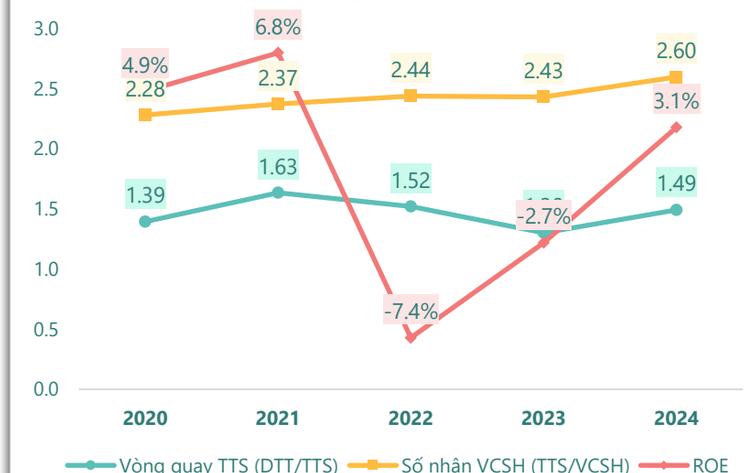
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



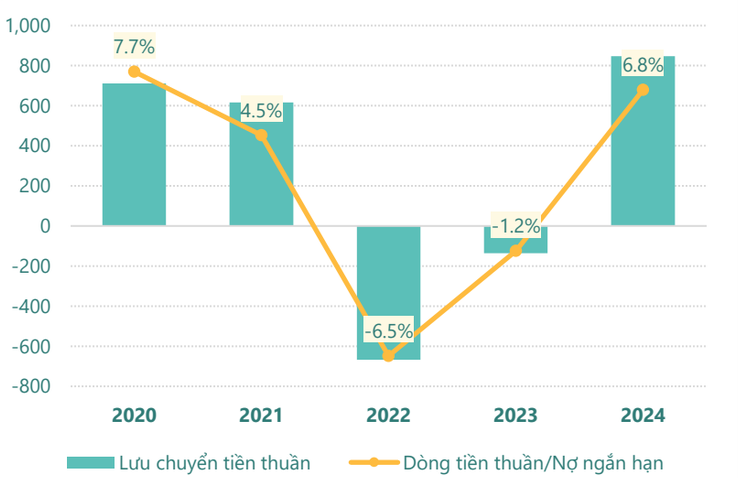
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9,612**	**8,698**	**10.5%**	**31,466**	**26,314**	**19.6%**
Giá vốn hàng bán	9,190	8,560	7.4%	30,123	25,556	17.9%
Lợi nhuận gộp	421	138	205%	1,343	757	77.4%
Doanh thu HĐTC	124	49.1	152%	453	214	111%
Chi phí TC	115	93.1	23.9%	302	268	12.5%
Chi phí lãi vay	86.6	77.3	12.0%	245	224	9.4%
LN trong công ty LKLD	**66.0**	**4.85**	**1260%**	**36.0**	**67.9**	**-47.0%**
Chi phí bán hàng	129	60.7	112%	378	206	83.5%
Chi phí QLDN	**225**	**163**	**37.9%**	**646**	**510**	**26.5%**
LN thuần từ HĐKD	142	-125	214%	507	54.9	822%
Lợi nhuận khác	**20.2**	**8.94**	**126%**	**72.3**	**85.5**	**-15.4%**
LN trước thuế	163	-116	240%	579	140	312%
Lợi nhuận sau thuế	**152**	**-124**	**223%**	**526**	**115**	**356%**
LNST của CĐ cty mẹ	**147**	**-95.6**	**254%**	**503**	**130**	**287%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-495	751	-1,127	324	470	-1,257
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	764	-332	863	-289	435	-559
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	138	-342	572	-698	-228	1,512
Tiền đầu kỳ	1,166	1,572	1,650	2,199	1,537	2,216
Lưu chuyển tiền thuần	**407**	**77.9**	**307**	**-663**	**676**	**-304**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.20	-0.24	1.02	0.20	3.29	-2.97
Tiền cuối kỳ	1,572	1,650	1,958	1,537	2,216	1,909

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**27,238**	**25,116**	**8.4%**
Tài sản ngắn hạn	14,309	12,879	11.1%
Tiền và tương đương tiền	1,909	2,199	-13.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,685	1,353	24.5%
Phải thu ngắn hạn	4,619	3,006	53.6%
Hàng tồn kho	5,187	5,466	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	909	854	6.4%
Tài sản dài hạn	**12,929**	**12,237**	**5.7%**
Phải thu dài hạn	68.6	65.9	4.2%
Tài sản cố định	2,976	2,438	22.1%
Bất động sản đầu tư	73.0	75.5	-3.3%
Tài sản dở dang	6,567	6,425	2.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,814	2,886	-2.5%
Tài sản dài hạn khác	**407**	**347**	**17.3%**
Lợi thế thương mại	23.4	0	
Nợ phải trả	16,920	15,735	7.5%
Nợ ngắn hạn	**13,384**	**12,463**	**7.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,780	7,343	5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,093	2,067	1.2%
Nợ dài hạn	3,536	3,271	8.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,834	1,684	8.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,318**	**9,381**	**10.0%**
Vốn chủ sở hữu	**10,318**	**9,381**	**10.0%**
Vốn điều lệ	6,780	6,780	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)